

Số: /2020/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định đối tượng cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường đối với các hộ gia đình định cư hợp pháp thuộc khu vực đô thị (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ Tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004; Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức vay tín dụng tối đa thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài Chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định đối tượng cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường đối với các hộ gia đình định cư hợp pháp thuộc khu vực đô thị (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5048/TTr-SXD ngày 31/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định đối tượng cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường đối với các hộ gia đình định cư hợp pháp thuộc khu vực đô thị (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Các hộ gia đình định cư hợp pháp thuộc khu vực đô thị (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh Long An chưa

có nước sạch hoặc đã có nhưng chưa đạt quy chuẩn, chưa bảo đảm vệ sinh và hộ gia đình sau khi đã trả hết nợ vốn vay, có nhu cầu vay mới để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường đã sử dụng nhiều năm, bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

2. Mức vốn vay: Thực hiện theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 và Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

4. Xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Long An.

5. Thời hạn, điều kiện, thủ tục cho vay và bảo đảm tiền vay: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

6. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

Trường hợp các văn bản pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Giao Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và địa phương theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/01/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính;
- Bộ LĐ-TB và XH;
- NHCSXH Việt Nam;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- TTPVHCC (Công thông tin điện tử tỉnh);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP;
- Phòng VHXH;
- Lưu: VT, SXD, thu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Cần